TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2018/QĐST-HNGĐ	*Nậm Nhùn, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị H

Trú tại: Bản Nà Khương, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Khoàng Văn T

Trú tại: Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu

Căn cứ vào, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị H và anh Khoàng Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị H và anh Khoàng Văn T đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con**: nguyên đơn Lò Thị H và bị đơn Khoàng Văn T có một con chung cháu tên là Khoàng Anh H sinh ngày 16/02/2013, chị H và anh T thỏa thuận như sau:

Sau khi ly hôn anh Khoàng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Khoàng Anh H sinh ngày 16/02/2013 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Lò Thị H và anh Khoàng Văn Thái tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản, nợ chung, cho vay chung: chị Lò Thị H và anh Khoàng Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị H và anh Khoàng Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, chị Lò Thị H tự nguyện nộp cho anh Khoàng Văn T số tiền 75.000 đồng (*bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí mà anh Khoàng Văn Ti phải nộp. Tổng cộng chị Lò Thị H phải nộp 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Lò Thị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Lò Thị H đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lò Thị H số tiền 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0002975 ngày 14/9/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN VĂN BẰNG